TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 668/2023/DS-PT
Ngày: 19/6/2023
Về "Tranh chấp về thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Châu

Các thẩm phán: 1. Bà Bùi Thị Kim Dung

2. Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Đức Anh – Thư ký Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: Bà Đỗ Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 19/6/2023 tại trụ sở Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 185/2023/TLPT-DS ngày 08/5/2023, về việc: "*Tranh chấp về thừa kế tài sản*". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2023/DS-ST ngày 14/3/2023 của Tòa án Nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2855/2023/QĐPT-DS ngày 12/5/2023 và Quyết định hoãn phiên toà phúc thẩm số 6513/2023/QĐ-PT ngày 29/5/2023 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Tiến Trang L**, sinh năm: 1973 – có mặt.
Thường trú: Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên hệ: Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.Bị đơn: Bà **Ngô Thị X**, sinh năm: 1951 – xin vắng mặt.
Thường trú: Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
3.1 Bà **Nguyễn Tiến Chi L1**, sinh năm: 1969 – xin vắng mặt.
Địa chỉ: Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
3.2 Ông **Nguyễn Tiến L2**, sinh năm: 1971- xin vắng mặt.
Địa chỉ: Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà L, bà L1 và ông L2:* Luật sư **Phan Ngọc B**, Thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh - có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Tiến Trang L, bà Nguyễn Tiến Chi L1 và ông Nguyễn Tiến L2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 22/12/2021, nguyên đơn bà Nguyễn Tiến Trang L, có bà Trần Thị Huyền T là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Cha ruột của bà là ông Nguyễn K, sinh năm: 1944, chết năm: 2021 và mẹ ruột của bà là bà Phạm Thị T1. Năm 1989, cha mẹ bà đã ly hôn. Cha bà có 03 người con là: Nguyễn Tiến Chi L1, sinh năm: 1969, Nguyễn Tiến L2, sinh năm: 1971 và Nguyễn Tiến Trang L, sinh năm: 1973.

Năm 1990, cha của bà kết hôn với bà Ngô Thị X. Bà X và cha bà không có con chung.

Quá trình chung sống, cha bà và bà X có tạo lập được tài sản chung là nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ: Quận 12, thuộc thửa đất số 401, tờ bản đồ số 21. Nhà đất nêu trên đã được Ủy ban Nhân dân Quận 12 cấp Giấy chứng nhận số H00673/03 ngày 16/5/2005.

Ngày 05/5/2021 cha bà chết, không để lại di chúc. Ngay sau khi cha bà chết, bà X có ý định chiếm đoạt nhà đất nêu trên thành tài sản riêng, không để cho cha bà được thờ phụng tại nhà mặc dù các anh em bà đã nhiều lần đề nghị bà X cho cha bà được thờ phụng đàng hoàng, tử tế nhưng không được bà X đồng ý. Việc làm của bà X đã thể hiện sự độc đoán, ích kỷ, làm ảnh hưởng đến hương hồn người đã chết, thể hiện ý đồ chiếm giữ tài sản chung làm của riêng.

Do đó, bà yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế do ông Nguyễn K để lại là nhà đất thuộc thửa đất số 401, tờ bản đồ số 21, Quận 12, theo Giấy chứng nhận số H00673/03 do Ủy ban Nhân dân Quận 12 cấp ngày 16/5/2005. Phần của bà được hưởng là 1/4 giá trị.

Ngày 24/02/2022 nguyên đơn có đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế đối với phần đất có diện tích 1.478,5m^2, thuộc thửa đất số 265, tờ bản đồ số 4, Quận 12, theo Giấy chứng nhận số 00370QSDĐ/Q12/99 do Ủy ban Nhân dân Quận 12 cấp ngày 31/3/1999. Phần của bà được hưởng là 1/4 của 1/2 diện tích đất nêu trên, tương đương 184,81m^2 đất.

Tại biên bản hòa giải ngày 26/10/2022 nguyên đơn xác định tài sản do ông K để lại là 1/2 trong các di sản trên nên nguyên đơn yêu cầu được hưởng 1/4 di sản do ông K để lại. Nguyên đơn có nguyện vọng được nhận hiện vật.

Bị đơn bà Ngô Thị X trình bày: Bà và ông Nguyễn K (sinh năm: 1944, chết năm: 2021) là vợ chồng hợp pháp và kết hôn năm 1990. Quá trình chung sống ông bà không có con chung. Ông K có 03 người con riêng là Nguyễn Tiến Trang L, Nguyễn Tiến Chi L1 và Nguyễn Tiến L2.

Ông K là một nhà giáo, bị khuyết tật về đôi mắt. Sau khi kết hôn, bà phải nghỉ công việc của mình để giúp chồng trong công việc, hy sinh tất cả vì chồng và gia đình nhà chồng. Ông bà sống chung với nhau tại căn nhà ở đường Điện Biên Phủ, quận Bình Thạnh từ năm 1990 đến năm 2005.

Thời gian chung sống với nhau ông bà không tạo lập được tài sản riêng gì. Riêng bà có 01 phần đất diện tích 1.573m^2 tại Quận 12 có nguồn gốc của ông Trần Văn Ch, sau đó ông Ch giao lại cho ông Tăng Phước T3 sử dụng và sau đó ông T3 giao lại cho bà quản lý, sử dụng.

Năm 2005, bà đã tách 01 phần đất có diện tích 94,5m^2 trong thửa đất này để xây dựng 01 căn nhà để bà và chồng cùng nhau sinh sống lúc về già do lúc đó chồng bà đã chia toàn bộ tài sản riêng của chồng cho các con riêng của chồng. Vì vậy, bà mới đồng ý tách phần đất 94,5m^2 từ tài sản riêng của bà để thành tài sản chung của hai vợ chồng. Năm 2006 chồng bà bị tai biến. Bà cùng chồng sống tại căn nhà này cho đến khi chồng bà qua đời. Mọi việc chăm sóc cho chồng, các con riêng của chồng không quan tâm, phụ giúp gì từ trước đến khi chồng bà chết.Sau khi chồng bà chết ngày 05/5/2021 thì các con riêng của chồng phát sinh tranh chấp vì cho rằng phần đất 1.573m^2 và căn nhà trên thửa đất 94,5m^2 tách năm 2005 là của chồng bà.

Bà xác định phần đất 94,5m^2 theo Giấy chứng nhận số H00673/03 do Ủy ban Nhân dân Quận 12 cấp ngày 16/5/2005 là có nguồn gốc từ tài sản riêng của bà, tiền xây nhà của bà là chủ yếu.

Nay bà có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

+ Về phần đất còn lại theo Giấy chứng nhận số 00370 QSDĐ/Q12/1999 do Ủy ban Nhân dân Quận 12 cấp ngày 31/3/1999 là tài sản riêng của bà nên các con riêng của chồng bà không có quyền đòi chia.

+ Về phần đất có diện tích 94,5m^2 và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận số H00673/03 do Ủy ban Nhân dân Quận 12 cấp ngày 16/5/2005 bà xác định đất có nguồn gốc là của riêng bà nhưng do đã được cấp giấy chứng nhận của cả bà và chồng nên bà cũng không muốn linh hồn chồng bà thấy mà buồn nên bà đồng ý chia phần đất 94,5m^2 và căn nhà trên phần đất này cho các đồng thừa kế của chồng bà gồm có bà và 03 người con riêng của chồng bà.

Bà yêu cầu được nhận nhà đất trên và sẽ thanh toán lại kỷ phần cho các con riêng của chồng bà.

Tuy nhiên, do bà là người đóng góp lớn trong khối tài sản chung (góp đất, tiền, công sức quản lý, tôn tạo, duy trì tài sản) nên bà đề nghị Tòa án xem xét cho bà thêm về công sức của bà trong khối tài sản chung. Nay các con riêng của chồng bà muốn chia thừa kế nên bà phải đề nghị Tòa án xét cho bà phần công sức đóng góp của bà để đảm bảo sự công bằng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Tiến Chi L1 và ông Nguyễn Tiến L2, có bà Đặng Nguyễn Thị Thục Trinh là đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà L1 và ông L2 xác nhận về mối quan hệ nhân thân theo tường trình của các đương sự, thống nhất với yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn. Bà L1 và ông L2 yêu cầu được chia mỗi người 1/4 kỷ phần do ông K để lại. Các ông bà có nguyện vọng được nhận hiện vật.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2023/DS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Tòa án Nhân dân quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Tiến Trang L.

1.1 Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn K (sinh năm: 1944, chết năm 2021) gồm các ông bà sau đây: Cha mẹ của ông K là ông Nguyễn Văn T2 và bà Trần Ngọc A (đã chết); Vợ: Ngô Thị X (sinh năm: 1951); các con của ông K: Nguyễn Tiến Chi L1, sinh năm: 1969, Nguyễn Tiến L2, sinh năm: 1971 và Nguyễn Tiến Trang L, sinh năm: 1973.

Các ông bà X, L, L1 và L2 mỗi người được hưởng 01 phần bằng nhau từ di sản thừa kế của ông K khi chết để lại. Riêng bà X được hưởng thêm 02 phần từ di sản thừa kế của ông K do bà có công tôn tạo di sản, có công chăm sóc nuôi dưỡng ông K khi ông bị bệnh, như vậy bà X được hưởng 03 phần từ di sản thừa kế của ông K khi chết để lại. Phần di sản thừa kế của ông K được chia làm 06 phần, mỗi phần tương đương 7,875m^2 đất và 13,05m^2 công trình xây dựng trên đất.

1.2 Xác định trước khi chết ông Nguyễn K và bà Ngô Thị X có tạo lập được khối tài sản chung của vợ chồng là:

1.2.1 Thửa đất số 401, tờ bản đồ số 21, Quận 12 có diện tích 94,5m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00673/03 do Ủy ban Nhân dân Quận 12 cấp ngày 16/5/2005 cho ông Nguyễn K và bà Ngô Thị X.

1.2.2 Nhà ở theo Giấy phép xây dựng số 1032/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Quận 12 cấp ngày 03/8/2005 có kết cấu 01 trệt 01 lầu, khung sàn BTCT, tường gạch, mái ngói, tổng diện tích sàn là 156,56m^2.

1.2.3 Diện tích nhà đất là di sản thừa kế của ông K được thể hiện tại vị trí số (5) và số (1) theo Bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ lập ngày

04/5/2022 với diện tích đất là 94,5m^2, nhà đất có giá trị tương đương là 7.986.000.000 (bảy tỷ chín trăm tám mươi sáu triệu) đồng.

1.3 Phân chia cụ thể như sau:

1.3.1 Bà X được nhận từ khối tài sản chung của vợ chồng là 1/2 diện tích đất: 47,25m^2 và diện tích xây dựng (nhà): 78,28m^2 và di sản thừa kế phần bà được hưởng của ông K khi chết để lại là 23,625m^2 đất và 39,14m^2 nhà. Phần di sản bà X nhận được tương đương giá trị là 5.985.500.000 (năm tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu năm trăm nghìn) đồng.

1.3.2 Bà L được hưởng di sản thừa kế là 7,875m^2 đất và 13,05m^2 công trình xây dựng trên đất tương đương giá trị là 665.500.000 (sáu trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm nghìn) đồng.

1.3.3 Bà L1 được hưởng di sản thừa kế là 7,875m^2 đất và 13,05m^2 công trình xây dựng trên đất tương đương giá trị là 665.500.000 (sáu trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm nghìn) đồng.

1.3.4 Ông L2 được hưởng di sản thừa kế là 7,875m^2 đất và 13,05m^2 công trình xây dựng trên đất tương đương giá trị là 665.500.000 (sáu trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm nghìn) đồng.

1.4 Giao cho bà Ngô Thị X được trọn quyền quản lý, sử dụng và sở hữu nhà, đất thuộc thửa đất số 401, tờ bản đồ số 21, Quận 12, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00673/03 do Ủy ban Nhân dân Quận 12 cấp ngày 16/5/2005. Bà X có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế còn lại giá trị kỷ phần thừa kế ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật theo như các mục 1.3.2, 1.3.3, 1.3.4 nêu trên.

1.5 Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà mà bà X đã thanh toán đủ số tiền theo kỷ phần thừa kế cho bà L1, ông L2, bà L và thực hiện xong nghĩa vụ nộp thuế cho cơ quan Nhà nước thì bà X được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xác lập quyền sở hữu, sử dụng, cấp, thay đổi giấy tờ sở hữu đối với nhà đất nêu trên.

1.6 Trường hợp bà X không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền như trên thì cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền được quyền kê biên, bán đấu giá nhà, đất thuộc thửa đất số 401, tờ bản đồ số 21, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00673/03 do Ủy ban Nhân dân Quận 12 cấp ngày 16/5/2005. Số tiền thu được từ việc bán đấu giá tài sản (sau khi trừ đi nghĩa vụ nộp thuế quyền sử dụng đất, chi phí phải nộp theo quy định) sẽ được chia cho các đồng thừa kế theo tỷ lệ đã tuyên tại mục 1.3.1, 1.3.2, 1.3.3, 1.3.4 của bản án.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn bà Nguyễn Tiến Trang L đối với phần diện tích đất còn lại thuộc thửa đất số 265, tờ bản đồ số 4,

Quận 12, theo Giấy chứng nhận số 00370 QSDĐ/Q12/1999 do Ủy ban Nhân dân Quận 12 cấp ngày 31/3/1999.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo quy định.

Ngày 22, 27 và 28/3/2023, bà Nguyễn Tiến Chi L1, ông Nguyễn Tiến L2, bà Nguyễn Tiến Trang L có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm nêu trên theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Nguyên đơn trình bày ý kiến tranh luận: Nhà đất thuộc thửa đất số 401, tờ bản đồ số 21, Quận 12 bà X là tài sản chung của ông K và bà X, đã được cấp Giấy chứng nhận năm 2005 nên được chia theo pháp luật. Phần đất còn lại thuộc thửa đất số 265, tờ bản đồ số 4, Quận 12 bà X khai được thừa kế năm 1993 theo Quyết định giải quyết khiếu nại số 32 của Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn nhưng tài sản này tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nên là tài sản chung của ông K và bà X và yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật, các đồng thừa kế mỗi người được nhận 1/4.

Ngoài ra, tại thửa đất 401 cấp giấy chứng nhận cho ông K, bà X hiện nay là đất trống không có nhà nên tòa án sơ thẩm xác định có nhà và chia thừa kế là không đúng quy định, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn trình bày ý kiến tranh luận: Có đơn xin xét xử vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày ý kiến tranh luận: Đồng ý với ý kiến nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử tuyên bố nghị án, Thẩm phán chủ tọa, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Về thời hạn kháng cáo:

[1] Ngày 14/3/2023 Tòa án Nhân dân quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm. Ngày 21/3/2023 nguyên đơn bà Nguyễn Tiến Trang L và ngày 24/3/2023 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Tiến Chi L1, ông Nguyễn Tiến L2 có đơn kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định, là hợp lệ được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

- Về thủ tục tố tụng:

[2] Nguyên đơn bà bà Nguyễn Tiến Trang L Người bảo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L, bà L1 và ông L2 có mặt; bị đơn bà Ngô Thị X, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Tiến Chi L1, ông Nguyễn Tiến L2 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Tiến Trang L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Tiến Chi L1, ông Nguyễn Tiến L2, Hội đồng xét xử nhận định:

[3] Các đương sự cùng thừa nhận và xác định: ông Nguyễn K (sinh năm: 1944, chết năm 2021) khi còn sống ông K kết hôn với bà Phạm Thị T1, đến năm 1989 ông K và bà T1 ly hôn. Ông K và bà T1 có 03 con chung gồm Nguyễn Tiến Chi L1, sinh năm: 1969, Nguyễn Tiến L2, sinh năm: 1971 và Nguyễn Tiến Trang L, sinh năm: 1973, không có con riêng. Sau khi ly hôn, năm 1990 ông K kết hôn với bà Ngô Thị X, quá trình chung sống ông K và bà X không có con chung và con riêng. Ngoài ra cha mẹ của ông K là ông Nguyễn Văn T2 (Đã chết) và bà Trần Ngọc A (đã chết) nên xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông K gồm có: 03 con riêng bà Nguyễn Tiến Chi L1, ông Nguyễn Tiến L2, bà Nguyễn Tiến Trang L và vợ là bà Ngô Thị X như Toà án cấp sơ thẩm xác định là đúng.

[4] Về nguồn gốc phần đất đang tranh chấp có diện tích 1.573m^2 thuộc thửa số 265, tờ bản đồ số 4, Quận 12, Hội đồng xét xử căn cứ xác nhận của Ủy ban Nhân dân Quận 12 về nguồn gốc đất tại đơn đăng ký quyền sử dụng đất của bà Ngô Thị X với nội dung: *"Thuận cấp thửa 265, 1.573m^2 có nguồn gốc đất do ông Trần Văn Ch đứng bộ cũ (chết), cháu gọi ông Ch bằng bác là ông Tăng Phước T3 sử dụng từ trước năm 1973 đến năm 1993 ông T3 giao lại cho bà Ngô Thị X gọi ông Ch bằng ông ngoại sử dụng cho tới nay theo Quyết định số 32/QĐ-TT ngày 24/9/1993 của Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn"* (BL 133) nên có cơ sở xác định đất này có nguồn gốc của ông Trần Văn Ch là ông ngoại của bị đơn bà Ngô Thị X tạo lập và giao cho bà X quản lý sử dụng, không phải đất của ông K và bà X tạo lập như nguyên đơn trình bày là không có cơ sở.

[5] Căn cứ Sổ địa chính của Ủy ban Nhân dân Quận 12 cung cấp theo Văn bản số 1084/UBND ngày 22/11/2022 cho bà Ngô Thị X thể hiện: *"Quyển số 02, trang 166, số quản lý: 232641, tên chủ sử dụng đất là bà Ngô Thị X, ngày vào sổ: 08/5/1999, thửa đất số 265, tờ bản đồ số 04 theo tài liệu bản đồ 02/CT-UB, diện tích 1.573m^2, mục đích sử dụng đất vườn, thời hạn sử dụng 20 năm, theo Quyết định số 28/QĐ.UB.QLĐT ngày 31/3/1999, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 370, được chủ sử dụng ký tên"* (BL 159-161) và căn cứ theo Danh sách hộ gia đình, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp ở phường Đông Hưng Thuận theo Quyết định số 28/QĐ-UB ngày 31/3/1999 của Quận 12 (đợt 4/1999 của phường) do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 12 cung cấp tại Văn bản số 16346/CNQ12-LT ngày 14/11/2022 thể hiện người sử dụng đất đối với thửa đất số 265 nêu trên là cá nhân bà Ngô Thị X, không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện đất này là cấp cho ông K hay hộ gia đình ông K, bà X cùng sử dụng nên xác định đất này không phải là tài sản chung của ông K và bà X, không phải là di sản của ông K, mà đất này có nguồn gốc của ông ngoại bà X để lại cho bà X và Nhà nước cấp đất cho cá nhân bà X theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00370/QSDĐ/Q12/1999 do Ủy ban Nhân dân quận 12 cấp ngày 31/3/1999 (BL 151), vì vậy nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần đất này là không có cơ sở không được hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6] Quá trình giải quyết vụ án bà X thừa nhận: Năm 2005, bà X có tách một phần đất 94,5m^2 từ trong thửa đất có diện tích 1.573m^2 thuộc thửa số 265, tờ bản đồ số 4, Quận 12 là tài sản riêng của Xanh xây dựng 01 căn nhà để bà X và ông K cùng ở. Tuy nhiên căn cứ vào lời khai của các bên đương sự và Bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ của sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 14/12/2022 thể hiện thửa đất số 401, tờ bản đồ số 21, Quận 12 có diện tích 94,5m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00673/03 do Ủy ban Nhân dân Quận 12 cấp ngày 16/5/2005 cho ông Nguyễn K và bà Ngô Thị X có vị trí ABCD (vị trí tương ứng số 10, 22, 30, 47) là đất trống không có nhà hoặc tài sản gắn liền trên đất mà phần nhà bà X tự xây dựng có vị trí thực tế (tương ứng vị trí 12, 19, 33, 36) nằm ngoài phần đất trống 94,5m^2 thuộc thửa 401. Như vậy, có cơ sở xác định thửa đất số 401, tờ bản đồ số 21, Quận 12 có diện tích 94,5m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00673/03 do Ủy ban Nhân dân Quận 12 cấp ngày 16/5/2005 cho ông Nguyễn K và bà Ngô Thị X là đất trống không có nhà trên đất. Nguyên đơn Linh, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L1 và ông L2 không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh rằng ông Nguyễn K có đóng góp xây dựng căn nhà này.

[7] Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản thừa kế của ông K có cả phần đất và phần nhà xây dựng trên đất là không đúng thực tế. Xét thấy, phần nhà xây dựng trên đất không thuộc thửa đất số 401, tờ bản đồ số 21, Quận 12 mà thuộc thửa đất 265 còn lại, tờ bản đồ số 4 (Đất nông nghiệp) do bà X tự xây dựng trên phần đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà X, bà X là người thực hiện xây dựng nhà, trả tiền xây dựng, đóng thuế chuyển mục đích sử dụng đất (thể hiện qua hợp đồng xây dựng ngày

07/01/2005 giá trị 864.000.000 (tám trăm sáu mươi tư triệu) đồng, giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước ngày 18/5/2005 (253.449.000 đồng), tờ khai lệ phí trước bạ ngày 06/5/2005 đều do bà X thực hiện nên bà X không đồng ý chia phần nhà hiện hữu thuộc thửa đất số 265, tờ bản đồ số 4, Quận 12 là có căn cứ, được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận. Vì vậy, sửa phần này của bản án sơ thẩm; xác định di sản của ông K là 1/2 thửa đất số 401, tờ bản đồ số 21, Quận 12 có diện tích 94,5m^2/2 = 47,25m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00673/03 do Ủy ban Nhân dân Quận 12 cấp ngày 16/5/2005 cho ông Nguyễn K và bà Ngô Thị X (Không có nhà trên đất).

[8] Nay bà X đồng ý chia phần đất 94,5m^2 là tài sản chung của bà X và ông K cho các đồng thừa kế của ông K là phù hợp với đạo đức xã hội. Do đó, xác định phần đất ở có diện tích 94,5m^2 thuộc thửa đất số 401, tờ bản đồ số 21 (tài liệu năm 2005), Quận 12 được Ủy ban Nhân dân Quận 12 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00673/03 ngày 16/5/2005 cho bà Ngô Thị X và ông Nguyễn K là tài sản chung của bà Ngô Thị X và ông Nguyễn K nên mỗi người được sở hữu ½ phần đất này theo quy định pháp luật. Ông K chết không để lại di chúc nên phần di sản của ông K là ½ phần đất ở tương đương 47,25m^2 thuộc thửa đất số 401, tờ bản đồ số 21 (tài liệu năm 2005), Quận 12 được Ủy ban Nhân dân Quận 12 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00673/03 ngày 16/5/2005 cho bà Ngô Thị X và ông Nguyễn K được chia theo pháp luật cho 04 đồng thừa kế của ông K gồm: bà Nguyễn Tiến Chi L1, ông Nguyễn Tiến L2, bà Nguyễn Tiến Trang L và bà Ngô Thị X.

[9] Xét, nguồn gốc đất có từ việc bà X tự nguyện tách 94,5m^2 đất ra từ phần đất thuộc thửa đất số 265 thuộc tài sản riêng của bà X để tạo thành tài sản chung của bà X và ông K là người bị khuyết tật bị mù hai mắt nên khi ông K ốm đau bà X là người chăm sóc ông K và bà X là người có công tôn tạo, gìn giữ tài sản nên Toà án cấp sơ thẩm chia công sức đóng góp cho bà X được nhận tương đương 02 kỷ phần thừa kế là phù hợp với thực tế công sức đóng góp của bà X đối với đất này. Do đó, ½ phần đất ở tương đương 47,25m^2 thuộc thửa đất số 401, tờ bản đồ số 21 (tài liệu năm 2005), Quận 12 được Ủy ban Nhân dân Quận 12 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00673/03 ngày 16/5/2005 cho bà Ngô Thị X và ông Nguyễn K là di sản của ông K được chia thành 06 phần bằng nhau, bà X được hưởng 03 phần, bà L1, ông L2 và bà L mỗi người được hưởng 01 phần như Toà án cấp sơ thẩm đã phân chia là đúng.

[10] Căn cứ biên bản định giá ngày 09/6/2022 xác định giá trị đất ở là: 94,5m^2 x 80.000.000 đồng/m^2 : 2 = 3.780.000.000 (ba tỷ bảy trăm tám mươi triệu) đồng là phần di sản của ông K trong khối tài sản chung của ông K, bà X. Mỗi phần thừa kế có giá trị tương đương (3.780.000.000 đồng/6) = 630.000.000 đồng và được chia cho các đồng thừa kế của ông K cụ thể như sau:

- Bà Ngô Thị X được nhận 1/2 diện tích đất là 47,25m^2 tương đương 7.560.000.000 đồng/2 = 3.780.000.000 (ba tỷ bảy trăm tám mươi triệu) đồng thuộc quyền sở hữu của bà X trong tài sản chung với ông K và bà X được hưởng 03 suất thừa kế của ông K có giá trị là 630.000.000 đồng x 3 = 1.890.000.000 (một tỷ tám trăm chín mươi triệu) đồng. Bà X được nhận tổng giá trị trong khối tài sản có liên quan đến ông K là: 3.780.000.000 đồng + 1.890.000.000 đồng = 5.670.000.000 (năm tỷ sáu trăm bảy mươi triệu) đồng.

- Bà L được hưởng 01 suất di sản thừa kế của ông K là 630.000.000 (sáu trăm ba mươi triệu) đồng.

- Bà L1 được hưởng di sản thừa kế của ông K là 630.000.000 (sáu trăm ba mươi triệu) đồng.

- Ông L2 được hưởng di sản thừa kế của ông K là 630.000.000 (sáu trăm ba mươi triệu) đồng.

[11] Các đương sự đều có yêu cầu được nhận hiện vật nhưng xét bà L, bà L1 và ông L2 đều đã có gia đình riêng, có nhà riêng ở ổn định nhưng nguồn gốc toàn bộ nhà đất này là của phía bà X tạo lập, tỷ lệ tài sản bà X được nhận chiếm trên 2/3 phần đất thuộc thửa 401 và bà X đã sống trên đất này từ năm 1993 cho đến nay và bà X sống neo đơn không người chăm sóc nên cần tạo điều kiện cho bà X có cuộc sống ổn định, do đó giao cho bà X được nhận toàn bộ diện tích đất 94,5m^2 thuộc thửa đất số 401, tờ bản đồ số 21 (tài liệu năm 2005), Quận 12 được Ủy ban Nhân dân Quận 12 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00673/03 ngày 16/5/2005 cho bà Ngô Thị X và ông Nguyễn K. Bà X có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị kỷ phần thừa kế cho bà L1, ông L2 và bà L như đã nhận định nêu trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[12] Ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và bà X đã thanh toán đủ số tiền theo kỷ phần thừa kế cho bà L1, ông L2, bà L và thực hiện xong nghĩa vụ nộp thuế cho cơ quan Nhà nước thì bà X được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu đối với diện tích đất 94,5m^2 thuộc thửa đất số 401, tờ bản đồ số 21 (tài liệu năm 2005), Quận 12 được Ủy ban Nhân dân Quận 12 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00673/03 ngày 16/5/2005 cho bà Ngô Thị X và ông Nguyễn K đứng tên bà Ngô Thị X.

[13] Trường hợp bà X không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền như trên thì cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền được quyền kê biên, bán đấu giá phần đất 47,25 m^2 thuộc thửa đất số 401, tờ bản đồ số 21, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Số tiền thu được từ việc bán đấu giá tài sản (sau khi trừ đi nghĩa vụ nộp thuế quyền sử dụng đất, chi phí phải nộp theo quy định) sẽ được chia cho các đồng thừa kế theo tỷ lệ như đã phân tích trên.

[14] Kiến nghị Uỷ ban Nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh điều chỉnh, thu hồi phần đăng ký thay đổi cập nhật biến động về tài sản gắn liền với đất được cập nhật biến động tại mục 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00673/03 ngày 16/5/2005 do Uỷ ban Nhân dân Quận 12 đã cập nhật cho bà Ngô Thị X và ông Nguyễn K thuộc thửa đất số 401, tờ bản đồ số 21 (tài liệu năm 2005), Quận 12 vì thực tế theo Bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ của sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 14/12/2022 và ngày 04/5/2022 (BL115,116) là không đúng hiện trạng nhà đất vì hiện trạng đất này không có nhà tồn tại trên đất nên việc cấp nhật này là không đúng quy định của pháp luật.

[15] Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đề nghị sửa bản án sơ thẩm là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[16] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Tiến Trang L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Tiến Chi L1, ông Nguyễn Tiến L2; Sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng đã nhận định trên.

[17] Án phí Dân sự sơ thẩm: bà Ngô Thị X, bà Nguyễn Tiến Trang L, bà Nguyễn Tiến Chi L1 và ông Nguyễn Tiến L2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản được chia, được hưởng trong khối tài sản chung hoặc trong khối di sản thừa kế theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016. Bà Ngô Thị X thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên bà X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[18] Án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm người kháng cáo là nguyên đơn Nguyễn Tiến Trang L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Tiến Chi L1, ông Nguyễn Tiến L2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Tiến Trang L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Tiến Chi L1, ông Nguyễn Tiến L2; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2023/DS-ST ngày 14/3/2023 của Tòa án Nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Tiến Trang L.

1.1 Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn K (sinh năm: 1944, chết năm 2021) gồm các ông bà sau đây: Cha mẹ của ông K là ông Nguyễn Văn T2 và bà Trần Ngọc A (đã chết); Vợ: Ngô Thị X (sinh năm: 1951); các con của ông K: Nguyễn Tiến Chi L1, sinh năm: 1969, Nguyễn Tiến L2, sinh năm: 1971 và Nguyễn Tiến Trang L, sinh năm: 1973.

1.2 Xác định di sản của ông Nguyễn K là ½ diện tích đất ở (94,5m^2 : 2 = 47,25m^2) thuộc thửa đất số 401, tờ bản đồ số 21 (tài liệu năm 2005), Quận 12 được Ủy ban Nhân dân Quận 12 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00673/03 ngày 16/5/2005 cho bà Ngô Thị X và ông Nguyễn K có giá trị là 3.780.000.000 đồng.

- Bà Ngô Thị X được nhận 1/2 diện tích đất là 47,25m^2 tương đương 7.560.000.000 đồng/2 = 3.780.000.000 (ba tỷ bảy trăm tám mươi triệu) đồng thuộc quyền sở hữu của bà X trong tài sản chung với ông K và bà X được hưởng 03 suất thừa kế của ông K có giá trị là 630.000.000 đồng x 3 = 1.890.000.000 (một tỷ tám trăm chín mươi triệu) đồng. Bà X được nhận tổng giá trị trong khối tài sản có liên quan đến ông K là: 3.780.000.000 đồng + 1.890.000.000 đồng = 5.670.000.000 (năm tỷ sáu trăm bảy mươi triệu) đồng.

- Bà Nguyễn Tiến Trang L được hưởng 01 suất di sản thừa kế của ông K là 630.000.000 (sáu trăm ba mươi triệu) đồng.

- Bà Nguyễn Tiến Chi L1 được hưởng di sản thừa kế của ông K là 630.000.000 (sáu trăm ba mươi triệu) đồng.

- Ông Nguyễn Tiến L2 được hưởng di sản thừa kế của ông K là 630.000.000 (sáu trăm ba mươi triệu) đồng.

1.3 Giao cho bà Ngô Thị X được trọn quyền quản lý, sử dụng phần đất thuộc có diện tích đất 94,5m^2 thuộc thửa đất số 401, tờ bản đồ số 21 (tài liệu năm 2005), Quận 12 được Ủy ban Nhân dân Quận 12 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00673/03 ngày 16/5/2005 cho bà Ngô Thị X và ông Nguyễn K.

Ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và bà X đã thanh toán đủ số tiền theo kỷ phần thừa kế cho bà L1, ông L2, bà L như đã nêu trên và thực hiện xong nghĩa vụ tài chính đối với cơ quan Nhà nước thì bà X được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục chuyển quyền sử dụng đối với diện tích đất 94,5m^2 thuộc thửa đất số 401, tờ bản đồ số 21 (tài liệu năm 2005), phường Đông Hưng Thuận,Quận 12 được Ủy ban Nhân dân Quận 12 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00673/03 ngày 16/5/2005 cho bà Ngô Thị X và ông Nguyễn K đứng tên bà Ngô Thị X.

Trường hợp bà X không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền như trên thì cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền được quyền kê biên, bán đấu giá phần đất 47,25 m^2 thuộc thửa đất số 401, tờ bản đồ số 21, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Số tiền thu được từ việc bán đấu giá tài sản (sau khi trừ đi nghĩa vụ nộp thuế quyền sử dụng đất, chi phí phải nộp theo quy định) sẽ được chia cho các đồng thừa kế theo tỷ lệ như đã phân tích trên.

Kiến nghị Uỷ ban Nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh điều chỉnh thu hồi phần đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất được cập nhật biến động tại mục 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00673/03 ngày 16/5/2005 cho bà Ngô Thị X và ông Nguyễn K đứng tên bà Ngô Thị X về phần 94,5m^2 thuộc thửa đất số 401, tờ bản đồ số 21 (tài liệu năm 2005), Quận 12 được Ủy ban Nhân dân Quận 12 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00673/03 ngày 16/5/2005 cho bà Ngô Thị X và ông Nguyễn K đứng tên bà Ngô Thị X không có tài sản gắn liền với đất trên thực tế theo Bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ của sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 14/12/2022 và ngày 04/5/2022.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn bà Nguyễn Tiến Trang L đối với phần diện tích đất còn lại thuộc thửa đất số 265, tờ bản đồ số 4, Quận 12, theo Giấy chứng nhận số 00370 QSDĐ/Q12/1999 do Ủy ban Nhân dân Quận 12 cấp ngày 31/3/1999.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Ngô Thị X được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Tiến Trang L phải chịu án 29.200.000 (hai mươi chín triệu hai trăm nghìn) đồng phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000 (mười hai triệu) đồng theo biên lai số AA/2021/0022510 ngày 31/12/2021 và 5.000.000 (năm triệu) đồng theo biên lai số AA/2021/0022817 ngày 28/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12 nên bà L còn phải nộp 12.200.000 (mười hai triệu hai trăm nghìn) đồng.

- Bà Nguyễn Tiến Chi L1 phải chịu án 29.200.000 (hai mươi chín triệu hai trăm nghìn) đồng phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Tiến L2 phải chịu án 29.200.000 (hai mươi chín triệu hai trăm nghìn) đồng phí dân sự sơ thẩm.

5. Về chi phí tố tụng khác:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 10.000.000 (mười triệu) đồng theo Phiếu thu số 08 ngày 22/3/2022, chi phí định giá là 5.000.000 (năm triệu) đồng theo Phiếu thu số 25 ngày 18/5/2022 của Tòa án Nhân dân Quận 12; chi phí đo vẽ là 10.907.460 (mười triệu chín trăm lẻ bảy nghìn bốn trăm sáu mươi) đồng theo Hóa đơn số 107 ngày 22/3/2022 và 10.538.705 (mười triệu năm trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm lẻ năm) đồng theo Hóa đơn số 783 ngày 28/11/2022 của Trung tâm đo đạc bản đồ. Tổng cộng là 36.446.165 (ba mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi năm) đồng, bà L đã nộp tạm ứng, bà L phải chịu 1/2 là 18.223.082 (mười tám triệu hai trăm hai mươi ba nghìn không trăm tám mươi hai) đồng. Phần còn lại, bà L, bà X, bà L1 và ông L2 mỗi người phải chịu 4.555.771 (bốn triệu năm trăm năm mươi năm nghìn bảy trăm bảy mươi mốt) đồng; bà L1, ông L2 và bà X có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà L.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: người kháng cáo gồm nguyên đơn Nguyễn Tiến Trang L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Tiến Chi L1, ông Nguyễn Tiến L2 không phải chịu, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Tiến L2 và bà Nguyễn Tiến Chi L1 theo biên lai thu tiền số 0005598 và 0005597 cùng ngày 28/3/2023, của bà Nguyễn Tiến Trang L theo biên lai số 0005592 ngày 24/3/2023 của Chi cục thi hành án quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, mỗi người 300.000 đồng.

7. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án Nhân dân Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Quỳnh Châu


2023DSPT31975
1 000115677219
12.05.2023 11:11
Nguyễn Tiến Trang Linh